

**TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC**

**JOURNAL OF SCIENCE AND EDUCATION**

Journal homepage: https://tckhgd.dhsphue.edu.vn

**t**

**THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG HỢP TÁC CHO TRẺ 5 – 6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Hồ thị Kim Ngân1, Lê Văn Khuyến2**

***1****Trường mầm non An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;*

***2****Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.*

*Tác giả liên hệ, Email:* *lvkhuyen@hueuni.edu.vn*

**TÓM TẮT**

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác (KNHT) cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua khảo sát 145 cán bộ quản lý và giáo viên mầm non thuộc 5 trường mầm non trong khu vực, kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý giáo dục KNHT đã có những chuyển biến tích cực, được triển khai ở nhiều nội dung với tần suất tương đối thường xuyên, với kết quả thực hiện đạt mức độ từ trung bình đến khá, trong đó lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ được đánh giá cao nhất. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế ở khâu huy động nguồn lực, truyền thông kế hoạch, động viên khích lệ đội ngũ, cũng như sử dụng kết quả kiểm tra để điều chỉnh hoạt động. Trên cơ sở kết quả khảo sát, nghiên cứu đã đề xuất 5 biện pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi trong thời gian tới.

***Từ khóa:*** *quản lý giáo dục; kỹ năng hợp tác; trẻ 5–6 tuổi; trường mầm non.*

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục mầm non (GDMN) giữ vai trò nền tảng, có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển toàn diện trẻ em Việt Nam. GDMN hướng đến việc phát triển hài hòa các mặt thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, đồng thời tạo tiền đề vững chắc để trẻ tự tin bước vào bậc tiểu học [5].

Trong xu thế đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay, yêu cầu về phát triển năng lực và phẩm chất cho trẻ mầm non ngày càng được nhấn mạnh. Bên cạnh việc trang bị tri thức và kỹ năng sống, kỹ năng hợp tác được xác định là một trong những năng lực cốt lõi, có vai trò thiết yếu trong việc hình thành nền tảng giao tiếp xã hội, phát triển cá nhân và hội nhập cộng đồng. KNHT không chỉ giúp trẻ biết chia sẻ, phối hợp, làm việc nhóm, mà còn góp phần phát triển tư duy linh hoạt, tinh thần trách nhiệm, khả năng giải quyết vấn đề và cảm xúc tích cực trong hoạt động chung [4].

Lứa tuổi 5–6 được xem là giai đoạn chuyển tiếp quan trọng từ mầm non lên tiểu học. Trẻ bắt đầu phát triển mạnh về nhận thức xã hội, nhu cầu tương tác và ý thức về vai trò cá nhân trong tập thể. Vì vậy, giáo dục KNHT ở độ tuổi này không chỉ cần thiết mà còn mang tính chiến lược trong việc chuẩn bị cho trẻ thích nghi với môi trường học tập và xã hội sau này. KNHT của trẻ là một phần trong hệ thống năng lực xã hội, thể hiện ở khả năng phối hợp tích cực với người khác để đạt được mục tiêu chung trên cơ sở trách nhiệm cá nhân và tinh thần tập thể.

Thực tế tại các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi đã được quan tâm trong những năm gần đây. Tuy nhiên, hiệu quả triển khai vẫn chưa cao. Nhiều hoạt động còn mang tính hình thức, chưa phong phú về nội dung và phương pháp; hệ thống bài tập chưa hấp dẫn; vai trò của giáo viên chưa được phát huy đầy đủ; sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục còn lỏng lẻo; công tác quản lý ở một số trường còn thiếu tính đồng bộ, các khâu từ xây dựng kế hoạch đến kiểm tra, đánh giá chưa được chú trọng đúng mức.

Trước thực trạng đó, việc nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ mầm non là yêu cầu cấp thiết. Nghiên cứu cần làm rõ những tồn tại, khó khăn trong thực tiễn quản lý, từ đó đề xuất các biện pháp có tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. Với mục tiêu đó, nghiên cứu này tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong thời gian tới.

**2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Khách thể nghiên cứu**

Khách thể tham gia nghiên cứu gồm tổng số 145 người, trong đó bao gồm 25 cán bộ quản lý (CBQL) và 120 giáo viên (GV) đang công tác tại 5 trường mầm non trên địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc lựa chọn khách thể này nhằm đảm bảo tính đại diện và phản ánh chân thực thực trạng công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo lớn (5–6 tuổi) tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn nghiên cứu.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chủ đạo là điều tra bằng bảng hỏi, với mục đích thu thập thông tin phục vụ cho việc phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ từ 5 đến 6 tuổi. Việc khảo sát thực trạng được thực hiện trên cơ sở tiếp cận các chức năng cơ bản của quản lý, góp phần làm rõ các nội dung quản lý cụ thể trong nhà trường. Bảng hỏi được xây dựng dựa trên thang đo Likert 5 mức độ, tương ứng với các mức điểm từ 1 đến 5. Ý nghĩa cụ thể của từng mức độ được quy ước và thể hiện rõ trong các bảng số liệu trình bày kết quả nghiên cứu.

Dữ liệu thu thập được xử lý thông qua phần mềm thống kê SPSS phiên bản 26.0. Các chỉ số được sử dụng để phân tích dữ liệu bao gồm: điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và tỉ lệ phần trăm (%) theo từng nội dung khảo sát. Để phân loại mức độ đánh giá, nghiên cứu áp dụng công thức tính khoảng cách giữa các mức điểm: (Giá trị lớn nhất – Giá trị nhỏ nhất) / tổng số mức độ = (5 – 1)/5 = 0,8. Căn cứ vào kết quả tính toán, các mức đánh giá được quy định như sau:

- Từ 1,00 đến 1,80: Không bao giờ / Kém;

- Từ 1,81 đến 2,60: Hiếm khi / Yếu;

- Từ 2,61 đến 3,40: Thỉnh thoảng / Trung bình;

- Từ 3,41 đến 4,20: Thường xuyên / Khá;

- Từ 4,21 đến 5,00: Rất thường xuyên / Tốt.

Bên cạnh phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, tác giả còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu đối với một số CBQL và GV nhằm thu thập thêm thông tin định tính. Các cuộc phỏng vấn này được thực hiện với mục đích làm rõ, kiểm chứng và bổ sung cho các dữ liệu định lượng đã thu được, từ đó góp phần nâng cao độ tin cậy và tính toàn diện cho kết quả nghiên cứu thực trạng.

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh**

Để đánh giá thực trạng công tác lập kế hoạch giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi, chúng tôi đã khảo sát ý kiến của CBQL và GV tại các trường mầm non trên địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát chúng tôi trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường mầm non

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung thực hiện**  | **Mức độ** **thực hiện** | **Kết quả****thực hiện** |
| ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC |
| 1 | Xác định mục tiêu, lựa chọn các nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi  | 4,01 | 0,90 | 3,97 | 0,87 |
| 2 | Xác định các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi  | 3,79 | 0,79 | 3,72 | 0,72 |
| 3 | Xác định các điều kiện, phương tiện đảm bảo hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi  | 3,91 | 0,90 | 3,87 | 0,88 |
| 4 | Tuyên truyền, phổ biến kế hoạch hoạt động giáo dục KNHT cho các lực lượng tổ chức, tham gia  | 3,75 | 0,69 | 3,68 | 0,71 |
|  |  |  |  |  |  |

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy, nhìn chung, công tác lập kế hoạch giáo dục kỹ năng hợp tác (KNHT) cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi được CBQL và GV đánh giá ở mức **“thường xuyên”** về mức độ thực hiện (ĐTB từ 3,75 đến 4,01) và **“khá”** về kết quả thực hiện (ĐTB từ 3,68 đến 3,97). Chỉ số ĐLC dao động từ 0,69 đến 0,90, phản ánh sự tương đối thống nhất trong đánh giá giữa các đối tượng khảo sát, cho thấy nhận thức và cách triển khai công tác lập kế hoạch khá đồng đều giữa các trường.

Nội dung đạt điểm cao nhất là ***“Xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNHT”*** với ĐTB mức độ thực hiện 4,01 (rất thường xuyên) và ĐTB kết quả thực hiện 3,97 (khá), ĐLC lần lượt là 0,90 và 0,87. Đây là minh chứng cho sự chú trọng của các nhà trường trong việc xây dựng định hướng, đảm bảo tính hệ thống ngay từ khâu đầu tiên. ĐLC ở mức trung bình cho thấy vẫn có sự chênh lệch nhỏ giữa các đơn vị, có thể xuất phát từ khác biệt về năng lực lập kế hoạch của đội ngũ.

Tiếp đến là nội dung ***“Xác định các điều kiện, phương tiện đảm bảo hoạt động giáo dục KNHT”*** (ĐTB mức độ thực hiện 3,91; mức độ kết quả thực hiện 3,87; ĐLC cùng mức 0,90 và 0,88). Chỉ số ĐLC tương đối cao ở cả hai tiêu chí phản ánh sự khác biệt nhất định giữa các trường về khả năng chuẩn bị cơ sở vật chất và nguồn lực, vốn phụ thuộc vào điều kiện tài chính và quy mô từng đơn vị.

Nội dung ***“Xác định các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNHT”***có ĐTB mức độ thực hiện 3,79; ĐTB kết quả thực hiện 3,72; ĐLC 0,79 và 0,72. Điểm số và ĐLC ở mức trung bình cho thấy việc phối hợp lực lượng đã được chú ý nhưng chưa đồng đều, đặc biệt là sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng còn phụ thuộc vào bối cảnh và mối quan hệ hợp tác tại từng trường.

Nội dung được đánh giá thấp nhất là***“Tuyên truyền, phổ biến kế hoạch hoạt động giáo dục KNHT”*** với ĐTB mức độ thực hiện 3,75 và kết quả thực hiện 3,68; ĐLC 0,69 và 0,71. Mức ĐLC thấp ở tiêu chí này cho thấy hầu hết các trường đều gặp khó khăn tương tự trong công tác truyền thông nội bộ và lan tỏa kế hoạch đến các lực lượng bên ngoài.

Như vậy, kết quả phân tích Bảng 1 cho thấy công tác lập kế hoạch giáo dục KNHT tại các trường mầm non trên địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nhìn chung đã được thực hiện bài bản, thường xuyên và đạt hiệu quả tương đối tích cực. Các trường đã thể hiện sự chủ động trong việc xác định mục tiêu, nội dung, điều kiện tổ chức và định hướng phối hợp lực lượng. Tuy nhiên, vẫn còn điểm cần cải thiện, đặc biệt trong việc truyền thông kế hoạch một cách rộng rãi và hiệu quả tới các đối tượng liên quan. Trong thời gian tới, các cơ sở mầm non cần tăng cường các hoạt động truyền thông nội bộ và kết nối cộng đồng thông qua các hình thức đa dạng như họp mặt phụ huynh, bảng thông báo điện tử, nhóm tương tác trực tuyến,... nhằm nâng cao sự đồng thuận và hiệu quả phối hợp trong việc thực hiện các kế hoạch giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 – 6 tuổi.

3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Công tác tổ chức giáo dục KNHT giữ vai trò quyết định trong việc hiện thực kế hoạch đã xây dựng. Để đánh giá thực trạng triển khai công tác này, tác giả đã tiến hành khảo sát ý kiến CBQL và GV trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả khảo sát được thống kê tại Bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và GV về tổ chức giáo dục KNHT cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường mầm non

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung thực hiện**  | **Mức độ** **thực hiện** | **Kết quả****thực hiện** |
| ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC |
| 1 | Phổ biến, học tập, trao đổi về nội dung quản lý hoạt động giáo dục KNHT  | 3,70 | 0,88 | 3,63 | 0,88 |
| 2 | Phân công, phân nhiệm cho các cá nhân, bộ phận đảm nhận các hoạt động quản lý, thực hiện giáo dục KNHT  | 3,86 | 0,91 | 3,81 | 0,89 |
| 3 | Tiến hành huy động và phân bổ các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính phục vụ cho hoạt động giáo dục KNHT  | 3,26 | 0,67 | 3,03 | 0,81 |
| 4 | Tổ chức phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNHT  | 3,53 | 0,85 | 3,50 | 0,83 |
| 5 | Động viên, khuyến khích, tạo động lực để các cá nhân, bộ phận tham gia tích cực hoạt động giáo dục KNHT  | 2,38 | 0,62 | 2,39 | 0,68 |
|  |  |  |  |  |  |

Kết quả khảo sát được thống kê ở Bảng 2 cho thấy, công tác tổ chức giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi được đánh giá ở mức **từ “thỉnh thoảng” đến “thường xuyên”** về mức độ thực hiện (ĐTB từ 2,38–3,86) và từ **“yếu” đến “khá”** về kết quả thực hiện (ĐTB từ 2,39–3,81). Chỉ số ĐLC dao động từ 0,62 đến 0,91, phản ánh mức độ thống nhất khác nhau giữa các đối tượng khảo sát: ở những nội dung có ĐLC thấp, ý kiến đánh giá khá đồng thuận, trong khi ĐLC cao cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các trường trong thực tiễn triển khai.

**Nội dung đạt ĐTB cao nhất** là “Phân công, phân nhiệm cho các cá nhân, bộ phận đảm nhận các hoạt động quản lý, thực hiện giáo dục KNHT”, với ĐTB mức độ thực hiện 3,86 (thường xuyên) và ĐTB kết quả thực hiện 3,81 (khá), ĐLC lần lượt là 0,91 và 0,89. ĐLC cao ở cả hai tiêu chí cho thấy mặc dù đa số trường thực hiện tốt, vẫn tồn tại một số đơn vị triển khai chưa đồng đều, có thể do khác biệt về quy mô, cơ cấu nhân sự hoặc phong cách quản lý.

Xếp thứ hai là nội dung “Phổ biến, học tập, trao đổi về nội dung quản lý hoạt động giáo dục KNHT” (ĐTB mức độ thực hiện 3,70; ĐTB kết quả thực hiện 3,63; ĐLC cùng mức 0,88). Chỉ số ĐLC tương đối cao phản ánh sự khác biệt trong tần suất và chất lượng các buổi sinh hoạt chuyên môn giữa các trường, dù nhìn chung hoạt động này được đánh giá khá tích cực.

Nội dung “Tổ chức phối hợp các lực lượng tham gia” có ĐTB mức độ thực hiện 3,53; kết quả thực hiện 3,50; ĐLC 0,85 và 0,83. Mức điểm ở ngưỡng khá nhưng ĐLC cao cho thấy một số trường đã xây dựng được mạng lưới phối hợp chặt chẽ, trong khi ở một số nơi, sự gắn kết với phụ huynh, đoàn thể và cộng đồng vẫn còn hạn chế.

Nội dung “Tiến hành huy động và phân bổ các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính” đạt ĐTB mức độ thực hiện 3,26 và ĐTB kết quả thực hiện 3,03 (mức trung bình), ĐLC lần lượt 0,67 và 0,81. ĐLC thấp hơn ở mức độ thực hiện phản ánh sự đồng thuận cao trong đánh giá khó khăn về nguồn lực, cho thấy đây là vấn đề chung ở hầu hết các trường.

**Thấp nhất** là nội dung “Động viên, khuyến khích, tạo động lực” với ĐTB mức độ thực hiện 2,38 (hiếm khi) và ĐTB kết quả thực hiện 2,39 (yếu), ĐLC 0,62 và 0,68. ĐLC thấp thể hiện sự thống nhất trong đánh giá rằng đây là hạn chế nghiêm trọng và phổ biến, ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần, sự chủ động và chất lượng công việc của giáo viên.

Tóm lại, phân tích cả ĐTB và ĐLC cho thấy các trường mầm non huyện Củ Chi đã chú trọng khâu phân công nhiệm vụ và duy trì trao đổi chuyên môn, nhưng hiệu quả chưa đồng đều. Ba điểm yếu nổi bật là: (1) Huy động và phân bổ nguồn lực, (2) Phối hợp các lực lượng giáo dục chưa chặt chẽ, và (3) Đặc biệt thiếu cơ chế động viên đội ngũ. Trong thời gian tới, cần **chuẩn hóa quy trình phối hợp, đa dạng hóa kênh huy động nguồn lực, đồng thời thiết lập cơ chế khen thưởng – khích lệ kịp thời** để nâng cao hiệu quả tổ chức giáo dục KNHT.

3.3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỉ đạo là một chức năng quản lý cốt lõi, đóng vai trò định hướng, điều phối và thúc đẩy hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Đặc biệt, với nội dung giáo dục kỹ năng hợp tác (KNHT) – vốn còn mới mẻ trong chương trình giáo dục mầm non – thì vai trò chỉ đạo lại càng trở nên quan trọng, nhằm đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về chỉ đạo hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường mầm non

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung thực hiện**  | **Mức độ** **thực hiện** | **Kết quả****thực hiện** |
| ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC |
| 1 | Chỉ đạo GV và các lực lượng giáo dục nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi | 3,74 | 0,90 | 3,62 | 0,88 |
| 2 | Chỉ đạo cho GV thường xuyên đổi mới phương pháp, đa dạng hoá hình thức giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi  | 3,61 | 0,84 | 3,53 | 0,98 |
| 3 | Chỉ đạo việc phối kết hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ  | 3,40 | 0,98 | 3,44 | 0,92 |
| 4 | Chỉ đạo việc trang bị và sử dụng hiệu quả các điều kiện, phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ  | 3,08 | 0,84 | 3,10 | 0,81 |
|  |  |  |  |  |  |

Kết quả khảo sát từ Bảng 3 cho thấy, mức độ thực hiện và kết quả thực hiện công tác chỉ đạo giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi đạt mức **trung bình khá**, với một số nội dung đạt mức “thường xuyên” nhưng cũng tồn tại nhiều mặt cần tiếp tục cải thiện.

Nội dung đạt điểm cao nhất là ***chỉ đạo giáo viên và các lực lượng trong nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục KNHT***, với ĐTB là **3,74** và ĐLC **0,90** ở mức độ thực hiện; kết quả thực hiện đạt ĐTB **3,62**, ĐLC **0,88**. Các giá trị ĐLC tương đối thấp thể hiện sự đánh giá đồng đều giữa các đối tượng khảo sát. Điều này phản ánh sự chủ động và nhất quán trong việc triển khai chỉ đạo ở cấp trường, từ việc xây dựng kế hoạch đến tổ chức thực hiện. Phỏng vấn thực tế cũng cho thấy hiệu quả của nội dung này: cô P.T.G.B (GV) chia sẻ rằng: “Khi ban giám hiệu chỉ đạo cụ thể từng phần việc, giáo viên rất thuận lợi để triển khai và không bị lúng túng trong quá trình tổ chức hoạt động”. Như vậy, chỉ đạo đóng vai trò rõ rệt trong việc định hướng chuyên môn và hỗ trợ giáo viên trong quá trình thực hiện.

Xếp sau đó là nội dung ***chỉ đạo đổi mới, đa dạng hóa hình thức và phương pháp giáo dục KNHT***, đạt ĐTB **3,61**, ĐLC **0,84** cho mức độ thực hiện; kết quả thực hiện là **3,53**, ĐLC **0,98**. Tuy kết quả ở mức “khá”, nhưng ĐLC cao hơn ở phần kết quả cho thấy vẫn có sự chênh lệch đáng kể giữa các trường trong việc hiện thực hóa chủ trương đổi mới. Điều này có thể xuất phát từ sự khác biệt về năng lực đổi mới của giáo viên và điều kiện tổ chức tại từng cơ sở giáo dục mầm non.

Nội dung ***chỉ đạo phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường***nhận được mức đánh giá trung bình với ĐTB **3,40** (ĐLC **0,98)** ở mức độ thực hiện và ĐTB **3,44 (**ĐLC **0,92**) ở kết quả thực hiện. Mức ĐLC cao phản ánh sự không đồng đều trong thực tiễn triển khai, cho thấy đây là một khâu yếu. Trong nhiều trường hợp, việc kết nối với phụ huynh, đoàn thể, cộng đồng còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa được quan tâm đúng mức. Thực tế cho thấy, tâm lý “khoán trắng cho nhà trường” hoặc sự thiếu cam kết từ phía các bên liên quan vẫn tồn tại, làm hạn chế hiệu quả của hoạt động giáo dục KNHT.

Nội dung được đánh giá thấp nhất là ***chỉ đạo việc trang bị và sử dụng hiệu quả điều kiện, phương tiện phục vụ giáo dục KNHT***, với ĐTB **3,08** và ĐLC **0,84** ở mức độ thực hiện; kết quả thực hiện là ĐTB **3,10**, ĐLC **0,81**. Đây là mức “thỉnh thoảng” và phản ánh rõ khoảng trống trong công tác chỉ đạo chuyên môn liên quan đến thiết bị dạy học. Mặc dù nhiều trường đã có trang thiết bị, song việc sử dụng chưa đúng mục tiêu phát triển KNHT hoặc chưa được hướng dẫn cụ thể khiến cho nguồn lực chưa được tận dụng hiệu quả. Cô L.T.N.H chia sẻ: “Thiết bị đã có nhưng nhiều khi giáo viên chưa được hướng dẫn cụ thể về cách sử dụng vào bài dạy có yếu tố KNHT nên thường bỏ qua”. Điều này cho thấy sự thiếu nhất quán trong công tác chỉ đạo, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động giáo dục.

Như vậy, công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục KNHT tại các trường mầm non huyện Củ Chi đã có những bước tiến rõ rệt, nhất là trong việc xây dựng kế hoạch, phổ biến và hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, đặc biệt trong chỉ đạo phối hợp lực lượng và quản lý, sử dụng thiết bị dạy học. Các nội dung này cần được quan tâm sâu sát hơn để nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo lớn.

3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Công tác kiểm tra, đánh giá đóng vai trò quan trọng trong quản lý giáo dục, không chỉ giúp đo lường mức độ đạt được của mục tiêu giáo dục, mà còn là cơ sở quan trọng để điều chỉnh, cải tiến và nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục KNHT.

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường mầm non

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung thực hiện**  | **Mức độ** **thực hiện** | **Kết quả****thực hiện** |
| ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC |
| 1 | Xây dựng nội dung và các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá phù hợp nội dung thực hiện các mục tiêu giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi  | 3,76 | 0,71 | 3,53 | 0,69 |
| 2 | Lựa chọn hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp nội dung giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi  | 3,88 | 0,85 | 3,68 | 0,77 |
| 3 | Lựa chọn, phân công lực lượng kiểm tra, đánh giá cụ thể theo các chức năng, nhiệm vụ được giao  | 3,81 | 0,75 | 3,41 | 0,62 |
| 4 | Phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn đã xây dựng  | 3,20 | 0,61 | 3,14 | 0,59 |
| 5 | Tuyên dương, khen thưởng những cá nhân, bộ phận thực hiện tốt hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi | 3,21 | 0,77 | 3,02 | 0,73 |
| 6 | Tổng kết, rút kinh nghiệm từng giai đoạn để kịp thời có những điều chỉnh trong hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi | 3,21 | 0,93 | 3,22 | 0,89 |
|  |  |  |  |  |  |

Kết quả khảo sát ý kiến CBQL và GV được thể hiện tại Bảng 4 cho thấy, công tác kiểm tra, đánh giá giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi nhìn chung được thực hiện ở mức trung bình đến khá, với ĐTB mức độ thực hiện dao động từ 3,20 đến 3,88 và ĐTB kết quả thực hiệntừ 3,02 đến 3,68. Chỉ số ĐLC nằm trong khoảng 0,59–0,93, cho thấy mức độ thống nhất trong đánh giá giữa các đối tượng khảo sát có sự khác biệt đáng kể theo từng nội dung: ĐLC thấp phản ánh sự đồng thuận cao, còn ĐLC cao cho thấy ý kiến đánh giá giữa các trường còn phân tán.

Nội dung có ĐTB cao nhất là *“Lựa chọn hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với nội dung giáo dục KNHT”*, với ĐTB mức độ thực hiện 3,88 (thường xuyên) và kết quả thực hiện 3,68 (khá), ĐLC 0,85 và 0,77. Mức ĐLC tương đối cao cho thấy tuy phần lớn các trường đã áp dụng linh hoạt các hình thức như quan sát, đánh giá qua sản phẩm học tập, vẫn có sự chênh lệch về cách thức vận dụng và mức độ thành thạo giữa các đơn vị.

Xếp thứ hai là *“Lựa chọn, phân công lực lượng kiểm tra, đánh giá cụ thể”*, với ĐTB mức độ thực hiện 3,81 và ĐTB kết quả thực hiện 3,41; ĐLC lần lượt 0,75 và 0,62. ĐLC thấp hơn ở kết quả cho thấy sự đồng thuận cao hơn về mức độ hiệu quả, dù điểm số giảm so với mức độ thực hiện, phản ánh sự phân công đã rõ ràng nhưng vẫn thiếu phối hợp nhịp nhàng hoặc năng lực chuyên sâu về đánh giá KNHT.

Nội dung *“Xây dựng nội dung và tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá”* đạt ĐTB mức độ thực hiện 3,76; ĐTB kết quả thực hiện 3,53; ĐLC 0,71 và 0,69. Đây là một trong những nội dung có ĐLC thấp nhất, chứng tỏ nhận định tương đối thống nhất giữa các trường. Tuy nhiên, tiêu chí đánh giá vẫn chưa tách riêng KNHT mà chủ yếu lồng ghép vào mục tiêu chung, làm giảm tính chuyên biệt và độ chính xác khi phản ánh năng lực hợp tác của trẻ.

Ba nội dung còn lại có ĐTB thấp hơn, đồng thời ĐLC dao động khá lớn: *“Tổng kết, rút kinh nghiệm”* (ĐTB thực hiện 3,21; ĐTB kết quả 3,22; ĐLC 0,93 và 0,89) có ĐLC cao nhất bảng, thể hiện sự chênh lệch rõ rệt giữa các trường về tần suất và chất lượng hoạt động này. *“Tuyên dương, khen thưởng”* (ĐTB thực hiện 3,21; ĐTB kết quả 3,02; ĐLC 0,77 và 0,73) cho thấy mức độ ghi nhận thành tích còn thấp và khá đồng đều ở mức hạn chế. *“Phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá”* (ĐTB thực hiện 3,20; kết quả 3,14; ĐLC 0,61 và 0,59) có ĐLC thấp nhất bảng, cho thấy tất cả các trường đều đồng thuận rằng hoạt động này chưa được chú trọng, chủ yếu mang tính hình thức.

Như vậy, phân tích ĐTB và ĐLC cho thấy các trường đã bước đầu làm tốt ở khâu lựa chọn phương pháp và hình thức kiểm tra cũng như xây dựng tiêu chí đánh giá, nhưng còn nhiều hạn chế trong sử dụng kết quả để điều chỉnh hoạt động, tổng kết – rút kinh nghiệm và khích lệ kịp thời đội ngũ. Trong thời gian tới, cần đồng bộ hóa quy trình kiểm tra – đánh giá giữa các trường, đào tạo nâng cao năng lực phân tích kết quả cho đội ngũ, đồng thời gắn kết chặt chẽ đánh giá với cơ chế khen thưởng và cải tiến hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục KNHT.

**3.5. Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 – 6 tuổi ở các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh**

Trên cơ sở kết quả khảo sát và phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác (KNHT) cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi, có thể nhận thấy một số tồn tại nổi bật như: chưa chú trọng đầy đủ đến công tác tuyên truyền kế hoạch, phối hợp lực lượng còn lỏng lẻo, việc huy động và sử dụng thiết bị, phương tiện còn hạn chế, động lực và sự ghi nhận đối với đội ngũ thực hiện chưa được quan tâm đúng mức.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNHT, cần thiết phải triển khai đồng bộ một số biện pháp sau:

***(1) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch giáo dục KNHT đến toàn thể lực lượng tham gia:*** Việc truyền thông rõ ràng về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục KNHT là nền tảng quan trọng để tạo sự đồng thuận và phối hợp hiệu quả. Các nhà trường cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền thông qua nhiều kênh như: họp phụ huynh, bảng tin điện tử, nhóm tương tác trực tuyến, nhằm đảm bảo tất cả các lực lượng – đặc biệt là phụ huynh – đều hiểu rõ và tích cực tham gia.

***(2) Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng ngoài nhà trường trong tổ chức giáo dục KNHT:*** Cần xây dựng cơ chế phối hợp cụ thể giữa giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh và các tổ chức đoàn thể. Nhà trường có thể mời phụ huynh tham gia vào các hoạt động học thông qua vai trò cộng tác viên giáo dục, đồng thời kết nối với các tổ chức xã hội để hỗ trợ chuyên môn, tài chính và nhân lực.

***(3) Bổ sung, hướng dẫn sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng phục vụ cho hoạt động KNHT:*** Nhà trường cần có kế hoạch đầu tư bổ sung các trang thiết bị, học cụ phù hợp với đặc điểm phát triển KNHT của trẻ. Bên cạnh đó, cần tổ chức các buổi chuyên đề, hướng dẫn giáo viên cách khai thác và tích hợp thiết bị vào các hoạt động hợp tác của trẻ một cách sáng tạo.

***(4) Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá gắn với cải tiến hoạt động và khích lệ đội ngũ:*** Nhà trường cần xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá cụ thể đối với hoạt động giáo dục KNHT, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với lứa tuổi mầm non. Đặc biệt, kết quả kiểm tra, đánh giá cần được sử dụng như một công cụ điều chỉnh hoạt động và là cơ sở để tuyên dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể thực hiện tốt. Qua đó, góp phần tạo động lực và nâng cao chất lượng triển khai thực tế.

***(5) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề về KNHT cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý:*** Để nâng cao năng lực tổ chức hoạt động KNHT, các trường mầm non cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề về kỹ năng hợp tác, phương pháp tổ chức hoạt động nhóm, quản lý tương tác nhóm trẻ... nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng triển khai cho đội ngũ giáo viên một cách bài bản, chuyên sâu và hiệu quả hơn.

Năm biện pháp đề xuất ở trên có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một hệ thống đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi.

**4. KẾT LUẬN**

Nghiên cứu đã cho thấy thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5–6 tuổi tại các trường mầm non huyện Củ Chi, Thành phố Hồ chí Minh nhìn chung đã có những bước tiến tích cực, thể hiện ở việc lập kế hoạch chặt chẽ, tổ chức thực hiện tương đối đều đặn, chỉ đạo có trọng tâm và kiểm tra – đánh giá từng bước được định hình. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số điểm yếu như: công tác phối hợp chưa sâu rộng, thiếu tính gắn kết giữa đánh giá và điều chỉnh hoạt động, thiết bị hỗ trợ chưa được khai thác đúng mức, và thiếu cơ chế khích lệ đội ngũ.

Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất năm biện pháp quản lý hoạt động giáo dục KNHT cơ bản, đó là: (1) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kế hoạch; (2) Nâng cao **hiệu quả**phối hợp giữa các lực lượng; (3) Phát huy hiệu quả các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị; (4) Hoàn thiện công tác kiểm tra, đánh giá và (5) Bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho CBQL, GV. Các biện pháp quản lý nêu trên nếu được thực hiện đồng bộ, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn thì có thể giúp các nhà trường mầm non trên địa bàn nghiên cứu phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế, từng bước nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục KNHT cho trẻ 5 – 6 tuổi. Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay, việc phát triển KNHT cho trẻ mầm non là yêu cầu cấp thiết. Do đó, quản lý hiệu quả hoạt động giáo dục KNHT sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chuẩn bị hành trang vững chắc cho trẻ bước vào bậc tiểu học và hội nhập xã hội hiện đại.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Bộ GD&ĐT (2021), *Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non*, Số: 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021.

[2] Nguyễn Thị Hòa (2011), *Giáo trình Giáo dục học mầm non,* Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[3] Vũ Thị Ngọc Minh (2014), “Giáo dục kĩ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi sự chuẩn bị cần thiết cho trẻ vào lớp 1”, *Tạp chí Giáo dục*, số 337, tr.34-36.

[4] Bùi Việt Phú (2016), “Phát triển kĩ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi trong hoạt động vui chơi ở trường mầm non”, *Tạp chí Khoa học và Giáo dục,* ĐHSP - Đại học Đà Nẵng, Số 20 (03), tr.102-107.

[5] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật giáo dục*, Hà Nội.

[6] Vũ Thị Minh Trang (2023), *Giáo dục KNHT cho trẻ 5 đến 6 tuổi thông qua hoạt động chắp ghép ở các trường mầm non tỉnh Quảng Nam,* Luận án Tiến sĩ Lý luận và lịch sử giáo dục học, Học viện Chính trị, Bộ quốc phòng.

**THE CURRENT SITUATION OF MANAGING COOPERATIVE SKILLS EDUCATION FOR 5–6-YEAR-OLD CHILDREN IN PRESCHOOLS IN CU CHI DISTRICT, HO CHI MINH CITY**

**Ho Thi Kim Ngan**1**, Le Van Khuyen2**

*1An Phu Preschool, Cu Chi District, Ho Chi Minh City*

*2University of Education, Hue University*

*Corresponding authors, Email:* *lvkhuyen@hueuni.edu.vn*

***Abstract:*** This study was conducted to examine the current situation of managing cooperative skills (CS) education activities for 5–6-year-old kindergarten children at preschool institutions in Cu Chi District, Ho Chi Minh City. Based on a survey of 145 preschool administrators and teachers from five preschools in the area, the findings reveal that the management of CS education has undergone positive changes, implemented across multiple aspects with a relatively frequent occurrence, achieving results ranging from average to fairly good levels. Among these, planning and task allocation received the highest evaluations. However, limitations remain in mobilizing resources, communicating plans, motivating and encouraging staff, as well as utilizing assessment results to adjust activities. Based on the survey results, the study proposes five practical measures to improve the quality of managing CS education activities for 5–6-year-old children in the near future.

**Keywords:** educational management; cooperative skills; 5–6-year-old children; preschool.